

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
THÔNG TIN ĐIỆN TỬ HÀNG HẢI VIỆT NAM**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Hải Phòng, tháng 3 năm 2018

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Thông tin Điện tử Hàng hải Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

CHỦ TỊCH CÔNG TY VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch Công ty
Ông Phan Ngọc Quang	Tổng Giám đốc
Ông Bùi Minh Hồng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Công Chiến	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,

Phan Ngọc Quang
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 10 tháng 3 năm 2018

Số: 75 /2018/BCKT-AVI-TC1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Ông Chủ tịch Công ty và Ban Tổng Giám đốc
Công ty TNHH MTV Thông tin Điện tử Hàng Hải Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Thông tin Điện tử Hàng Hải Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 10/3/2018, từ trang 05 đến trang 23 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Thông tin Điện tử Hàng Hải Việt Nam tại ngày 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc tới thuyết minh số 8 trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính: Tại ngày 31/12/2017, giá trị hàng hóa tồn kho của Công ty là 29.630.910.794 đồng, trong đó có một số hàng hóa tồn đọng chậm luân chuyển. Số dư quỹ dự phòng giảm giá hàng tồn kho đến 31/12/2017 là 7.209.584.661 đồng (31/12/2016: là 6.896.641.032 đồng). Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho như trên là đã khách quan, thận trọng và phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty cũng như chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Như trình bày tại thuyết minh số 27 về số liệu so sánh, Theo Biên bản quyết toán dịch vụ công ích Thông tin duyên hải năm 2016 của Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử Hàng hải Việt nam ngày 15/9/2017 giữa Công ty với đại diện Cục Hàng Hải Việt Nam và Vụ Tài chính - Bộ Giao thông Vận tải, giá trị quyết toán dịch vụ công ích thông tin duyên hải năm 2016 giảm so với giá trị đề nghị quyết toán là 1.978.840.723 đồng. Kết luận tại Biên bản làm việc này đã được Công ty điều chỉnh hồi tố vào báo cáo kết quả kinh doanh năm 2016 cũng như số liệu trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016 đã kiểm toán.



Nguyễn Thương
Phó Tổng Giám đốc
Số GCN ĐKHN kiểm toán 0308-2018-055-1

Tạ Thị Thắm
Kiểm toán viên
Số GCN ĐKHN kiểm toán 3676-2016-055-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU SỐ B01 - DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
				(đã điều chỉnh)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		324.755.291.476	293.731.336.197
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	243.638.873.568	211.454.558.368
1. Tiền	111		243.638.873.568	211.454.558.368
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		57.903.399.372	53.551.758.143
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	50.182.368.188	48.309.020.758
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		7.597.993.670	5.405.026.853
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	229.172.725	123.233.581
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	13	(106.135.211)	(285.523.049)
III. Hàng tồn kho	140	8	23.213.018.536	28.645.305.077
1. Hàng tồn kho	141		30.422.603.197	35.541.946.109
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7.209.584.661)	(6.896.641.032)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	79.714.609
1. Thuế và các khoản khác phải thu NS	153		-	79.714.609
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		142.091.834.191	166.790.798.167
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		93.549.511	329.268.880
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	17.533.202.071	17.763.946.917
2. Phải thu dài hạn khác	216	7	15.000.000	75.000.000
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	13	(17.454.652.560)	(17.509.678.037)
II. Tài sản cố định	220		137.829.463.133	161.627.665.470
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	137.388.194.945	161.407.989.917
- Nguyên giá	222		635.066.555.916	626.886.527.876
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(497.678.360.971)	(465.478.537.959)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	441.268.188	219.675.553
- Nguyên giá	228		1.078.646.043	677.646.043
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(637.377.855)	(457.970.490)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		730.841.110	377.402.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		730.841.110	377.402.000
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.456.676.102	2.456.676.102
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	9	2.456.676.102	2.456.676.102
V. Tài sản dài hạn khác	260		981.304.335	1.999.785.715
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		981.304.335	1.999.785.715
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		466.847.125.667	460.522.134.364

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU SỐ B01 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
				(đã điều chỉnh)
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		85.761.734.853	83.108.462.110
I. Nợ ngắn hạn	310		79.376.697.209	77.715.598.566
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	17.543.535.346	13.322.477.688
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		6.863.451.646	8.487.157.635
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	2.044.856.727	2.955.099.099
4. Phải trả người lao động	314		9.338.958.421	7.453.259.198
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	11	1.122.779.680	3.406.900.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	12	6.727.092.388	8.546.798.133
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	18	1.371.868.768	1.182.788.087
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		34.364.154.233	32.361.118.726
II. Nợ dài hạn	330		6.385.037.644	5.392.863.544
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	337		5.259.861.960	5.118.337.860
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		1.125.175.684	274.525.684
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		381.085.390.814	377.413.672.254
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	381.085.390.814	377.413.672.254
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		332.254.212.286	332.254.212.286
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		48.831.178.528	45.159.459.968
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		466.847.125.667	460.522.134.364

Hải Phòng, ngày 10 tháng 3 năm 2018

Người lập



Nguyễn Thị Kim Ngân

Kế toán trưởng



Vũ Thị Bích Thủy

Tổng Giám đốc



Phan Ngọc Quang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

MẪU SỐ B02 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
				(đã điều chỉnh)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	360.099.476.693	365.608.525.667
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		360.099.476.693	365.608.525.667
4. Giá vốn hàng bán	11	21	324.678.293.005	330.225.137.030
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		35.421.183.688	35.383.388.637
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	11.463.151.805	10.059.123.601
7. Chi phí tài chính	22		100.894.325	455.225.848
8. Chi phí bán hàng	25	23	436.811.019	66.293.621
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	17.318.376.449	16.862.465.812
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		29.028.253.700	28.058.526.957
11. Thu nhập khác	31		2.909.091	9.090.909
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		2.909.091	9.090.909
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		29.031.162.791	28.067.617.866
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	5.733.432.558	5.613.523.573
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		23.297.730.233	22.454.094.293

Hải Phòng, ngày 10 tháng 3 năm 2018

Người lập



Nguyễn Thị Kim Ngân

Kế toán trưởng



Vũ Thị Bích Thủy

Tổng Giám đốc




Phan Ngọc Quang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

MẪU SỐ B03 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2017	Năm 2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	369.166.216.411	383.979.614.419
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(220.887.985.018)	(236.543.306.246)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(101.621.788.332)	(100.073.182.669)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	-	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(6.912.701.573)	(7.997.030.016)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	9.539.151.363	11.289.528.208
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(19.748.994.030)	(30.740.914.924)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	29.533.898.821	19.914.708.772
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(8.180.028.040)	(10.922.499.308)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	2.909.091	9.090.909
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10.746.463.074	9.776.584.661
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.569.344.125	(1.136.823.738)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	32.103.242.946	18.777.885.034
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	211.454.558.368	192.954.361.406
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	81.072.254	(277.688.072)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	243.638.873.568	211.454.558.368

Hải Phòng, ngày 10 tháng 3 năm 2018

Người lập



Nguyễn Thị Kim Ngân

Kế toán trưởng



Vũ Thị Bích Thủy

Tổng Giám đốc



Phan Ngọc Quang

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Thông tin Điện tử Hàng hải Việt Nam - trước đây là Công ty Thông tin Điện tử Hàng hải Việt Nam, là doanh nghiệp Nhà nước tham gia hoạt động công ích, được thành lập theo Quyết định số 323/QĐ/TCVB-LĐ ngày 04/03/1993 và Quyết định sửa đổi số 152/QĐ/TCCB-LĐ ngày 24/01/1998 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải.

Theo quyết định số 1770/QĐ-BGTVT ngày 25/06/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc chuyển Công ty Thông tin Điện tử Hàng hải Việt Nam thành Công ty TNHH Một thành viên Thông tin Điện tử Hàng hải Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") do Bộ Giao thông vận tải làm chủ sở hữu và đã được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0200118954 ngày 16/12/2010, thay đổi lần thứ 3 ngày 01/11/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp. Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 3 thì vốn điều lệ của Công ty là 341.238.119.516 đồng.

Ngày 4/1/2017, Bộ Giao thông vận tải đã ban hành quyết định số 12/QĐ-BGTVT điều chỉnh tăng Vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Thông tin Điện tử Hàng hải Việt Nam. Theo đó Vốn điều lệ của Công ty sẽ được điều chỉnh từ 334.066.400.956 đồng lên 384.387.872.254 đồng trong giai đoạn từ 2016-2018. Nguồn vốn được bổ sung từ Vốn NSNN bàn giao (Dự án LRIT) và bổ sung từ quỹ đầu tư phát triển. Công ty đang hoàn tất thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận ĐKKD với Sở KH-ĐT Thành phố Hải Phòng và thực hiện đầy đủ việc bổ sung Vốn Điều lệ theo lộ trình tăng Vốn đã được phê duyệt.

Công ty là tổ chức hạch toán kinh tế độc lập, có tư cách pháp nhân đầy đủ, được mở tài khoản tại ngân hàng, được sử dụng con dấu riêng. Công ty có địa bàn hoạt động từ Móng Cái đến Cà Mau.

Trụ sở chính: Số 2 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng - Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Quản lý, khai thác các hệ thống thông tin viễn thông, hàng hải; Cung ứng, lắp ráp, lắp đặt, sửa chữa thiết bị thông tin liên lạc điện tử và nghi khí hàng hải; Thông tin tìm kiếm cứu nạn hàng hải và các thông tin liên quan đến an toàn phương tiện hoạt động trên biển và bảo vệ an ninh quốc gia thuộc chủ quyền vùng biển Việt Nam; Tư vấn, thiết kế, thẩm định, giám sát công trình điện tử, tin học và viễn thông hàng hải không do chính Công ty thi công; Kinh doanh các dịch vụ viễn thông công cộng trong nước và quốc tế.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc Công ty

Tại thời điểm 31/12/2017, tổ chức của Công ty bao gồm Văn phòng Công ty và các đơn vị hạch toán phụ thuộc sau:

- Chi nhánh Công ty Thông tin Điện tử hàng hải Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Minh;
- Đài Thông tin Duyên Hải Đà Nẵng;
- Đài Thông tin Duyên Hải Vũng Tàu;
- Đài Thông tin Duyên Hải Nha Trang;
- Đài Thông tin Duyên Hải Hồ Chí Minh;
- Đài Thông tin Duyên Hải Hải Phòng;

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

- Đài Thông tin vệ tinh mặt đất Inmarsat Hải Phòng;
- Đài thông tin vệ tinh Cospas-Sarsat Việt Nam;
- Đài thông tin nhận dạng và truy theo tầm xa (LRIT);
- Đài trung tâm xử lý thông tin Hàng hải Hà Nội;
- Các Đài Thông tin duyên hải loại 3, loại 4;
- Trung tâm dịch vụ khách hàng;
- Trung tâm Viễn Thông và Công nghệ thông tin.

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến luồng tiền). Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán trực thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc sau khi bù trừ số dư các khoản công nợ nội bộ, doanh thu và chi phí nội bộ.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Chuyển đổi ngoại tệ

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ được thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Trong năm, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được phản ánh vào chênh lệch tỷ giá hối đoái và số dư được kết chuyển sang doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên nhận đầu tư.

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập dựa trên cơ sở đánh giá tình trạng thực tế của hàng tồn kho, giá thị trường của hàng tồn kho tại thời điểm trích lập dự phòng.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, số khấu hao được tính bằng nguyên giá chia (:) cho thời gian hữu dụng ước tính hoặc giá trị còn lại chia cho thời gian hữu dụng còn lại, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 08

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình được xác định theo giá gốc. Tài sản cố định vô hình của Công ty là các phần mềm máy tính. Phần mềm máy tính được tính khấu hao trong 3 năm.

Dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả là khoản trích bảo hành hàng hóa. Dự phòng bảo hành sản phẩm theo cam kết với khách hàng là ước tính của Công ty về khoản nợ phải trả cho thời hạn bảo hành 12 tháng được áp dụng đối với các sản phẩm trên cơ sở kinh nghiệm của Công ty về xác suất các sản phẩm lỗi. Khoản chi phí này được trích lập với tỷ lệ 3% trên doanh thu bán thiết bị trong năm.

Ghi nhận doanh thu

Hoạt động công ích

Công ty thực hiện cung cấp dịch vụ công ích theo Hợp đồng đặt hàng giữa Cục Hàng Hải Việt Nam và Công ty TNHH MTV Thông tin Điện tử Hàng hải Việt Nam. Doanh thu dịch vụ công ích được ghi nhận theo Biên bản nghiệm thu giữa Công ty và Cục Hàng Hải Việt Nam theo số giờ hoạt động và đơn giá giờ phục vụ hoạt động công ích do Bộ Tài chính quy định. Phương thức thực hiện cung cấp dịch vụ công ích theo Hợp đồng dẫn tới việc Công ty TNHH MTV Thông tin Điện tử Hàng hải Việt Nam phải tự chủ trong việc quản lý và theo dõi chi phí, xác định kết quả kinh doanh và thực hiện nghĩa vụ thuế Thu nhập Doanh nghiệp đối với hoạt động công ích theo qui định hiện hành.

Hoạt động kinh doanh

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: lãi tiền gửi; cổ tức, lợi nhuận được chia; lãi chênh lệch tỷ giá...
Cụ thể như sau:

- Tiền lãi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi, cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận theo thông báo của bên chia cổ tức, lợi nhuận.
- Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong năm của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm báo cáo.

Thuế

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của hoạt động công ích và hoạt động kinh doanh áp dụng mức thuế suất 20% tính trên tổng lợi nhuận chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định các loại thuế của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về các loại thuế tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng thuộc Tập đoàn, Tổng công ty).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 25.

CÔNG TY TNHH MTV THÔNG TIN ĐIỆN TỬ HÀNG HẢI VIỆT NAM**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Tiền mặt	6.332.552.586	8.014.680.750
Tiền gửi ngân hàng	237.306.320.982	203.439.877.618
Cộng	<u>243.638.873.568</u>	<u>211.454.558.368</u>

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	50.182.368.188	48.309.020.758
Cục Hàng hải Việt Nam	34.933.776.176	37.678.533.786
Công ty Vận tải biển VINALINES	2.072.854.887	2.904.281.376
Các khách hàng khác	13.175.737.125	7.726.205.596
Phải thu khách hàng dài hạn	17.533.202.071	17.763.946.917
Công ty TNHH MTV đóng tàu Phà Rừng	2.313.533.897	2.613.533.897
Công ty TNHH MTV TCT Công nghiệp TT Nam Triệu	1.408.965.626	1.428.965.626
Công ty CP Công nghệ điện Nam Triệu	1.043.918.893	1.043.918.893
Các khách hàng khác	12.766.783.655	12.677.528.501
Cộng	<u>67.715.570.259</u>	<u>66.072.967.675</u>
Phải thu khách hàng là các bên liên quan		
Cục Hàng hải Việt Nam	34.933.776.176	37.678.533.786

7. PHẢI THU KHÁC

	<u>31/12/2017</u>		<u>01/01/2017</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	229.172.725	-	123.233.581	-
Tạm ứng	169.542.818	-	78.375.918	-
Phải thu khác	59.629.907	-	44.857.663	-
Dài hạn	15.000.000	-	75.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	15.000.000	-	75.000.000	-
Cộng	<u>244.172.725</u>	-	<u>198.233.581</u>	-

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	791.692.403	-	778.860.703	-
Hàng hoá	29.630.910.794	(7.209.584.661)	34.763.085.406	(6.896.641.032)
Cộng	30.422.603.197	(7.209.584.661)	35.541.946.109	(6.896.641.032)

Tại ngày 31/12/2017, giá trị hàng hóa tồn kho của Công ty là 29.630.910.794 đồng, trong đó có một số hàng hóa tồn đọng chậm luân chuyển. Số dư quỹ dự phòng giảm giá hàng tồn kho đến 31/12/2017 là 7.209.584.661 đồng (31/12/2016: là 6.896.641.032 đồng). Công ty trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho dựa trên việc kiểm kê và đánh giá tổng thể về chất lượng hàng hóa tồn đọng, khả năng tiêu thụ, mức độ giảm giá cũng như giá trị có thể thu hồi/ thanh lý tài sản dựa trên tham khảo giá thị trường tại thời điểm hiện tại. Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho như trên là đã khách quan, thận trọng và phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty cũng như chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

9. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

Công ty có các khoản góp vốn vào đơn vị khác, bao gồm: khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Điện tử Hàng hải (140.000 cổ phần), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải (118.126 cổ phần) và Công ty Inmarsat Ltd. (145.742 cổ phần), chi tiết như sau:

	31/12/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Điện tử Hàng Hải (MEC)	1.400.000.000	-	1.400.000.000	1.400.000.000	-	1.400.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải (MSB)	1.055.260.000	-	1.055.260.000	1.055.260.000	-	1.055.260.000
Công ty Inmarsat Ltd	1.416.102	-	1.416.102	1.416.102	-	1.416.102
Cộng	2.456.676.102	-	2.456.676.102	2.456.676.102	-	2.456.676.102

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Tổng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2017	677.646.043	677.646.043
Mua trong năm	401.000.000	401.000.000
Tại ngày 31/12/2017	<u>1.078.646.043</u>	<u>1.078.646.043</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2017	457.970.490	457.970.490
Khấu hao trong năm	179.407.365	179.407.365
Tại ngày 31/12/2017	<u>637.377.855</u>	<u>637.377.855</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2017	<u>219.675.553</u>	<u>219.675.553</u>
Tại ngày 31/12/2017	<u>441.268.188</u>	<u>441.268.188</u>

11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	1.122.779.680	3.406.900.000
Chi phí bảo hiểm - Bảo hiểm Bưu điện Hải Phòng	1.122.779.680	892.000.000
Chi phí mua thiết bị cho hệ thống đài thông tin duyên hải	-	2.484.900.000
Chi phí giám sát thi công cải tạo đài PY & VT	-	30.000.000
Dài hạn	-	-
Cộng	<u>1.122.779.680</u>	<u>3.406.900.000</u>

12. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	6.727.092.388	8.546.798.133
- Kinh phí công đoàn	1.444.633.995	2.661.169.651
- Thuế TNCN của người lao động	-	256.193.083
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.282.458.393	5.629.435.399
Dài hạn	-	-

CÔNG TY TNHH MTV THÔNG TIN ĐIỆN TỬ HÀNG HẢI VIỆT NAM**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B09 - DN

13. THUYẾT MINH NỢ KHÓ ĐÓI

	31/12/2017				01/01/2017			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	Năm	VND	VND	VND	Năm	VND	VND	VND
Công ty TNHH MTV đóng tàu Phà Rừng	Trên 3 năm	2.313.533.897	-	2.313.533.897	Trên 3 năm	2.613.533.897	-	2.613.533.897
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy Nam Triệu	Trên 3 năm	1.408.965.626	-	1.408.965.626	Trên 3 năm	1.428.965.626	-	1.428.965.626
Công ty CP Công nghệ điện Nam Triệu	Trên 3 năm	1.043.918.893	-	1.043.918.893	Trên 3 năm	1.043.918.893	-	1.043.918.893
Các khách hàng khác	Trên 6 tháng	13.125.577.637	331.208.282	12.794.369.355	Trên 6 tháng	13.505.876.321	797.093.651	12.708.782.670
Cộng		17.891.996.053	331.208.282	17.560.787.771		18.592.294.737	797.093.651	17.795.201.086

CÔNG TY TNHH MTV THÔNG TIN ĐIỆN TỬ HÀNG HẢI VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B09 - DN

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2017	55.013.219.199	564.223.534.107	6.117.494.491	1.532.280.079	626.886.527.876
Mua mới trong năm	-	8.180.028.040	-	-	8.180.028.040
Phân loại lại tài sản	-	52.800.000	(52.800.000)	-	-
Tại ngày 31/12/2017	55.013.219.199	572.456.362.147	6.064.694.491	1.532.280.079	635.066.555.916
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2017	39.027.796.686	422.108.519.022	3.440.281.551	901.940.700	465.478.537.959
Khấu hao trong năm	1.607.744.205	29.931.119.895	468.656.016	192.302.896	32.199.823.012
Tại ngày 31/12/2017	40.635.540.891	452.039.638.917	3.908.937.567	1.094.243.596	497.678.360.971
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2017	15.985.422.513	142.115.015.085	2.677.212.940	630.339.379	161.407.989.917
Tại ngày 31/12/2017	14.377.678.308	120.416.723.230	2.155.756.924	438.036.483	137.388.194.945

Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao còn sử dụng

Nguyên giá TSCĐ chờ thanh lý

8.167.960.304

58.399.854.955

-

-

-

311.671.429

69.633.390.670

CÔNG TY TNHH MTV THÔNG TIN ĐIỆN TỬ HÀNG HẢI VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	17.543.535.346	17.543.535.346	13.322.477.688	13.322.477.688
Công ty Inmarsat Ltd	5.110.302.862	5.110.302.862	3.473.117.413	3.473.117.413
Công ty Marlink Ltd	3.131.855.552	3.131.855.552	2.838.499.224	2.838.499.224
Công ty TNHH Trường Thịnh Phát Ninh Hòa	104.000.000	104.000.000	1.223.750.000	1.223.750.000
Các nhà cung cấp khác	9.197.376.932	9.197.376.932	5.787.111.051	5.787.111.051
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	17.543.535.346	17.543.535.346	13.322.477.688	13.322.477.688

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2017		Số phải nộp		Số đã nộp		31/12/2017	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	572.716.930	-	5.305.630.302	5.169.926.408	708.420.824	-	-	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	1.417.354.833	1.417.354.833	-	-	-	-
Thuế nhập khẩu	-	-	81.657.415	81.657.415	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.671.613.706	-	5.733.432.558	6.912.701.573	492.344.691	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	631.053.854	-	2.000.965.426	1.787.928.068	844.091.212	-	-	-
Các khoản thuế khác	-	-	729.827.611	729.827.611	-	-	-	-
Cộng	2.875.384.490	2.875.384.490	15.268.868.145	16.099.395.908	2.044.856.727	2.044.856.727	2.044.856.727	2.044.856.727

Trong đó:

- Thuế và các khoản phải thu nhà nước

- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

79.714.609

2.955.099.099

CÔNG TY TNHH MTV THÔNG TIN ĐIỆN TỬ HÀNG HẢI VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn kinh phí hình thành tài sản cố định
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2016	292.406.940.988	41.659.459.968	-	2.220.398.348	39.829.771.298
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	22.454.094.293	-
Tăng vốn trong năm	39.847.271.298	-	-	-	(39.847.271.298)
Phân phối lợi nhuận trong năm	-	3.500.000.000	-	(24.674.492.641)	-
Phân loại lại	-	-	-	-	17.500.000
Tại ngày 01/01/2017	332.254.212.286	45.159.459.968	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	23.297.730.233	-
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận trong năm (*)	-	3.671.718.560	-	(23.297.730.233)	-
Tăng khác	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2017	332.254.212.286	48.831.178.528	-	-	-

(*) Tại thời điểm 31/12/2017, Công ty tạm phân phối lợi nhuận năm 2017 như sau: Trích quỹ đầu tư phát triển: 3.671.718.560 đồng, trích quỹ khen thưởng phúc lợi: 19.378.999.173 đồng, trích quỹ thưởng ban điều hành: 247.012.500 đồng (tương ứng 1,5 tháng lương).

Ngày 4/1/2017, Bộ Giao thông vận tải đã ban hành quyết định số 12/QĐ-BGTVT điều chỉnh tăng Vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Thông tin Điện tử Hàng hải Việt Nam. Theo đó Vốn điều lệ của Công ty sẽ được điều chỉnh từ 334.066.400.956 đồng lên 384.387.872.254 đồng trong giai đoạn từ 2016-2018. Nguồn vốn được bổ sung từ Vốn NSNN bàn giao (Dự án LRIT) và bổ sung từ quỹ đầu tư phát triển. Công ty đang hoàn tất thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận ĐKKD với Sở KH-ĐT Thành phố Hải Phòng và thực hiện đầy đủ việc bổ sung Vốn Điều lệ theo lộ trình tăng Vốn đã được phê duyệt.

18. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Ngắn hạn	1.371.868.768	1.182.788.087
Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hoá	1.371.868.768	1.182.788.087
Dài hạn	-	-

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Ngoại tệ các loại		
- USD	28.120,47	15.024,36
- GBP	2.312,89	19.573,62
- SGD	10.746,51	13.346,51

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Doanh thu hoạt động công ích	183.401.697.390	175.983.177.657
Doanh thu hoạt động kinh doanh	176.697.779.303	189.625.348.010
Cộng	<u>360.099.476.693</u>	<u>365.608.525.667</u>
Doanh thu với các bên liên quan		
Cục Hàng hải Việt Nam (doanh thu công ích)	183.401.697.390	175.983.177.657

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Giá vốn hoạt động công ích	155.467.495.308	148.472.888.562
Giá vốn hoạt động kinh doanh	169.210.797.697	181.752.248.468
Cộng	<u>324.678.293.005</u>	<u>330.225.137.030</u>

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn	10.290.538.403	8.780.030.703
Cổ tức, lợi nhuận được chia	992.346.925	996.553.958
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	99.049.008	282.538.940
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	81.217.469	-
Cộng	<u>11.463.151.805</u>	<u>10.059.123.601</u>

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	17.318.376.449	16.862.465.812
Chi phí nhân viên quản lý	8.479.021.192	8.330.876.366
Thuế, phí, lệ phí	48.783.000	76.313.500
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(234.413.315)	(927.441.118)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.851.244.106	4.822.587.683
Chi phí bằng tiền khác	3.378.660.290	2.406.751.199
Chi phí đóng góp tài chính cho Quỹ dịch vụ VTCT	795.081.176	2.153.378.182
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	436.811.019	66.293.621
Chi phí nhân viên bán hàng	99.000.000	240.000.000
Chi phí bảo hành và chi phí khác	337.811.019	(173.706.379)

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	29.031.162.791	28.067.617.866
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(364.000.000)	-
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</i>	<i>(364.000.000)</i>	<i>-</i>
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được trừ</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Thu nhập chịu thuế	28.667.162.791	28.067.617.866
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>5.733.432.558</u>	<u>5.613.523.573</u>

25. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan của Công ty như sau

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Cục Hàng hải Việt Nam	Đơn vị trực thuộc chủ sở hữu

Ngoài các giao dịch và số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của Báo cáo tài chính này, trong năm Công ty không có thêm số dư và giao dịch với các bên liên quan.

26. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động này.

27. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu được phản ánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán.

CÔNG TY TNHH MTV THÔNG TIN ĐIỆN TỬ HÀNG HẢI VIỆT NAM**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Theo Biên bản quyết toán dịch vụ công ích Thông tin duyên hải năm 2016 của Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử Hàng hải Việt nam ngày 15/9/2017 giữa Công ty với đại diện Cục Hàng Hải Việt Nam và Vụ Tài chính - Bộ Giao thông Vận tải, giá trị quyết toán dịch vụ công ích thông tin duyên hải năm 2016 giảm so với giá trị đề nghị quyết toán là 1.978.840.723 đồng. Kết luận tại Biên bản làm việc này đã được Công ty điều chỉnh hồi tố vào báo cáo kết quả kinh doanh năm 2016 cũng như số liệu trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016 đã kiểm toán, chi tiết như sau:

<u>Chỉ tiêu trên Bảng Cân đối kế toán</u>	<u>TK</u>	<u>31/12/2016</u>	<u>Điều chỉnh</u>	<u>01/01/2017</u>
		VND	VND	VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	131	50.287.861.481	(1.978.840.723)	48.309.020.758
Chi phí trả trước dài hạn	261	208.746.668	1.791.039.047	1.999.785.715
Tổng Tài sản		50.496.608.149	(187.801.676)	50.308.806.473
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13.510.279.364	(187.801.676)	13.322.477.688
Tổng Nguồn vốn		13.510.279.364	(187.801.676)	13.322.477.688
<u>Chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả kinh doanh</u>		<u>Năm 2016</u>	<u>Điều chỉnh</u>	<u>Năm 2016</u>
		VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		367.587.366.390	(1.978.840.723)	365.608.525.667
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		332.203.977.753	(1.978.840.723)	330.225.137.030
Doanh thu thuần		35.383.388.637	-	35.383.388.637

Hải Phòng, ngày 10 tháng 3 năm 2018

Người lập

Nguyễn Thị Kim Ngân

Kế toán trưởng

Vũ Thị Bích Thủy

Tổng Giám đốc



Phan Ngọc Quang